

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
TỈNH NINH BÌNH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - hạnh phúc**

Bản án số 03/2022/DS-PT  
Ngày 14 - 01 - 2022  
V/v tranh chấp về thừa kế tài sản

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH NINH BÌNH**

**- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* bà Nguyễn Thị Phụng.

*Các Thẩm phán:*

+ Ông Đinh Huy Lương.

+ Bà Trần Thị Sâm.

**- Thư ký phiên tòa:** bà Vũ Thị Len – Thẩm tra viên của Tòa án nhân dân tỉnh Ninh Bình.

**- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Ninh Bình:** bà Bùi Thị Thúy Hằng - Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Ngày 14 tháng 01 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Ninh Bình xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 17/2021/TLPT-DS ngày 07 tháng 6 năm 2021 về “Tranh chấp về thừa kế tài sản”.

Do bản án dân sự sơ thẩm số 02/2021/DS-ST ngày 26 tháng 4 năm 2021 của Tòa án nhân dân huyện Yên Mô, tỉnh Ninh Bình bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 27/2021/QĐPT-DS ngày 26 tháng 7 năm 2021; Thông báo thay đổi lịch xét xử số 1041/TB-TA ngày 09 tháng 8 năm 2021; Thông báo về thời gian, địa điểm mở lại phiên tòa số 1533/TB-TA ngày 17 tháng 11 năm 2021; Quyết định hoãn phiên tòa số 24/2021/QĐ-PT ngày 16 tháng 12 năm 2021; Thông báo về việc thay đổi thời gian mở phiên tòa số 36/TB-TA ngày 29 tháng 12 năm 2021, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: bà Đoàn Thị Ng, sinh năm 1962.

Địa chỉ: thôn S, xã Qu, thành phố T, tỉnh Ninh Bình.

*\*. Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn:* ông Bùi Văn T và ông Nguyễn Hữu H, luật sư của Văn phòng luật sư Đ và cộng sự, thuộc Đoàn luật sư tỉnh Ninh Bình.

2. Bị đơn: ông Đoàn Văn H, sinh năm 1933.

Địa chỉ: thôn L, xã H, huyện Y, tỉnh Ninh Bình.

*\*. Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn:* ông Phạm Hồng Qu, luật sư của Công ty Luật TNHH H, thuộc Đoàn luật sư thành phố Hà Nội.

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

+ Ủy ban nhân dân huyện Y, tỉnh Ninh Bình.

Địa chỉ: tổ dân phố Tr, thị trấn Th, huyện Y, tỉnh Ninh Bình.

\*. *Người đại diện theo pháp luật của Ủy ban nhân dân huyện Y:* ông Đặng Thái S, Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện Y, tỉnh Ninh Bình.

+ Ủy ban nhân dân xã H, huyện Y, tỉnh Ninh Bình.

Địa chỉ: thôn L, xã H, huyện Y, tỉnh Ninh Bình.

\*. *Người đại diện theo pháp luật của Ủy ban nhân dân xã H:* ông Đoàn Trung N, Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã H, huyện Y, tỉnh Ninh Bình.

+ Bà Đinh Thị V, sinh năm 1935.

Địa chỉ: thôn L, xã H, huyện Y, tỉnh Ninh Bình.

\*. *Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bà Đinh Thị V:*

Ông Vũ Ngọc H - Trợ giúp viên pháp lý của Trung tâm trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh Ninh Bình.

Bà Đoàn Thị H - Trợ giúp viên pháp lý của Trung tâm trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh Ninh Bình.

+ Anh Đoàn Quang Th, sinh năm 1975.

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: thôn L, xã H, huyện Y, tỉnh Ninh Bình.

Nơi đang sinh sống: lô A lóc 3 khu dân cư M, phường D, thị xã A, tỉnh Bình Dương.

Tại phiên tòa: bà Ng, ông T, ông H, ông Qu, bà H đều có mặt. Ông H, bà V, ông H, anh Th, người đại diện hợp pháp của Ủy ban nhân dân huyện Y, người đại diện hợp pháp của Ủy ban nhân dân xã H vắng mặt nhưng đều có Đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

4. Người kháng cáo: ông Đoàn Văn H (bị đơn).

## NỘI DUNG VỤ ÁN

*Tại đơn khởi kiện đề ngày 10 tháng 12 năm 2019, trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn là bà Đoàn Thị Ng trình bày:*

Cụ Đoàn Văn Gi và cụ Phạm Thị C lấy nhau vào khoảng trước năm 1945, cụ C đã có một người con riêng là ông H. Sau đó, ông H về ở cùng cụ Gi, cụ C và đổi họ theo họ của cụ Gi là Đoàn Văn H. Cụ Gi coi ông H như con đẻ.

Năm 1962, cụ Gi, cụ C sinh được một người con chung là bà Ng. Cụ Gi và cụ C chung sống trên thửa đất do tổ tiên cụ Gi để lại diện tích khoảng hơn 1000m<sup>2</sup>, trong đó có 320m<sup>2</sup> đất ở, 02 ao và vườn cây ăn quả. Trên phần đất ở có nhà 05 gian bằng gỗ xoan, lợp ngói. Ngày 14 tháng 02 năm 1967 cụ Gi chết.

Năm 1978, cụ C cho ông H một phần đất để ra ở riêng. Ông H xây dựng nhà mới 05 gian ở vườn cây ăn quả, san lấp 02 ao để làm vườn. Sau đó, ông H đứng ra

kê khai để nhận quyền sử dụng đất vườn và đất ao với diện tích hơn 700m<sup>2</sup> và đã được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

Năm 1993, chính quyền khảo sát đất đai để cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, lúc đó cụ C còn sống và đang trực tiếp quản lý nhà đất diện tích 320m<sup>2</sup> nên đã được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, nhưng do tên của cụ C được gọi theo tên con trai theo phong tục tại địa phương nên trong Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mang tên bà Đoàn Thị H. Ngày 03 tháng 10 năm 1996 cụ C chết.

Từ năm 1996 đến nay, ông H đã tự ý phá nhà 05 gian cũ. Hiện nay trên thổ đất được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho bà Đoàn Thị H có 01 nhà hai tầng, 01 nhà cấp 4 và 01 móng đá. Cụ Gi cụ C chết không để lại di chúc, các cụ chỉ có bà Ng và ông H là con. Di sản của cụ Gi cụ C để lại là thửa đất số 11, tờ bản đồ số 20, tại thôn L, xã H, huyện Y, tỉnh Ninh Bình, đất đã được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mang tên bà Đoàn Thị H, diện tích 320m<sup>2</sup>.

Năm 2009 khi Nhà nước làm đường giao thông đã thu hồi 24,6m<sup>2</sup> và được đền bù số tiền là 9.840.000 đồng. Vì vậy bà Ng yêu cầu chia thừa kế diện tích đất của cụ Gi, cụ C còn lại là 295,4m<sup>2</sup> và số tiền đền bù do thu hồi đất là 9.840.000 đồng theo quy định của pháp luật, bà Ng đề nghị được nhận thừa kế bằng hiện vật. Riêng đối với những tài sản khác bao gồm: phần đất nông nghiệp bố mẹ để lại, bà và ông H đã tự thỏa thuận phân chia; nhà cũ của cụ Gi cụ C, ông H đã phá đi, phần đất cụ C đã cho ông H năm 1978, bà không đề nghị xem xét, giải quyết.

*Trong quá trình giải quyết vụ án tại Tòa án cấp sơ thẩm, bị đơn là ông Đoàn Văn H trình bày:* ông xác nhận về quan hệ huyết thống, quan hệ gia đình, nắm giữ của cụ Gi như lời khai của bà Ng.

Tài sản của cụ Gi để lại có 06 thước đất ở và 03 thước đất hương hỏa, mỗi thước 24m<sup>2</sup>, trên đất có 03 gian nhà tre lợp dạ quay hướng Tây. Phần đất này có nguồn gốc do tổ tiên cụ Gi để lại. Sau khi cụ Gi chết do đất chật người đông nên ông đã mua thêm 08 thước đất của ông Đoàn Văn Th với giá 30 thùng thóc (do lúc đó chiến tranh nên việc mua bán không có giấy tờ gì, ông Th cũng đã chết).

Năm 1956 ông kết hôn với bà V, từ đó vợ chồng ông đứng ra lo liệu mọi công việc cho đến nay. Năm 1990 cụ C chết. Cụ Gi, cụ C chết không để lại di chúc. Công sức tôn tạo, duy trì bảo quản di sản, xây mộ mả cho các cụ ông không thể tính được, việc nộp thuế đối với Nhà nước ông chấp hành đúng.

Năm 1995 Nhà nước cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mang tên bà Đoàn Thị H, đây là tên vợ ông, khi cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất bà C đã chết lâu rồi. Do vậy đất này là tài sản của vợ chồng ông, trên đất hiện có 03 gian nhà cấp 4 và móng đá, 01 hồ vôi do con trai ông là Đoàn Quang Th xây dựng. Ông không đồng ý với yêu cầu khởi kiện chia thừa kế của bà Ng vì đất của cụ Gi để lại có một ít, phần đất hiện nay ông đang quản lý đều do ông vất vả tạo lập nên. Đất của cụ Gi để lại thể hiện trên bản đồ xanh, nếu bà Ng cung cấp được bản đồ xanh thì đất của cụ Gi có bao nhiêu ông trả hết cho bà Ng.

*Trong quá trình giải quyết vụ án tại Tòa án cấp sơ thẩm, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là bà Đinh Thị V trình bày:* bà xác nhận quan hệ huyết thống, quan hệ gia đình, di sản của cụ Gi để lại như ông H trình bày. Sau khi lấy ông H, bà và ông H sống cùng cụ C trên đất của cha ông có 02 gian nhà tranh vách đất, trước

cửa có 3 liếp che nắng. Bà chỉ nhớ ngày chết của cụ Gi là 14/2, cụ C là ngày 03/10 chứ không nhớ năm, hai cụ chết không để lại di chúc. Phần đất cha ông để lại có 9 thước, mỗi thước bao nhiêu m<sup>2</sup> bà không biết, nhưng đã bị Nhà nước thu hồi làm đường giao thông 4 lần, 3 lần trước không có đền bù, lần thứ 4 có đền bù, ông H trực tiếp đi nhận tiền và xây lại nhà cho anh Th. Thửa đất của cụ Gi, cụ C đã được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mang tên Đoàn Thị H. Lúc đó cụ C còn sống và đưa Giấy chứng nhận cho bà nên là của bà, bà không đứng ra kê khai để được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Sau khi cụ C chết, vợ chồng bà có làm lại nhà trên một phần đất mua của ông Th và phần đất cha ông để lại. Phần đất mua của ông Th có giấy tờ nhưng hiện nay bà đã làm mất. Trên phần đất hai cụ để lại có nhà cấp 4, móng đá của anh Th xây dựng và một phần nhà mái bằng mà gia đình bà xây đang ở. Trước đây mảnh đất trũng, chèo, vợ chồng bà phải tôn tạo dần mới được như ngày hôm nay. Ông H là người lo liệu mọi việc từ ma chay, xây mồ mả, cúng giỗ tổ tiên, nộp thuế đất. Phần đất cha ông để lại gia đình bà có công sức tôn tạo, bảo quản. Bà không đồng ý chia di sản thừa kế, nếu ông H đồng ý thì bà cũng đồng ý.

*Trong quá trình giải quyết vụ án tại Tòa án cấp sơ thẩm, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là anh Đoàn Quang Th trình bày:* đất bà Ng kiện mang tên bà Đoàn Thị H trên Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất chính là đất của bà Phạm Thị C (là bà đẻ ra bố anh) và ông Đoàn Văn Gi. Diện tích này anh đã được bà cô C và bố mẹ giao cho làm nhà thờ, anh và vợ cũ đã làm 03 gian nhà tạm cấp 4 và làm một móng nhà to làm nhà thờ, trong móng có 7 tấn vôi, tổng giá trị là 205.000.000 đồng. Năm 2012 vợ chồng anh ly hôn. Nay đề nghị bà Ng phải bồi thường toàn bộ số giá trị tài sản anh đã bỏ ra và công xây dựng là 205.000.000 đồng. Chứng thư thẩm định giá xác định trong móng của anh có 02 tấn vôi củ là không chính xác, giá trị các tài sản trên đất chưa được định giá đầy đủ và quá thấp.

*Trong quá trình giải quyết vụ án, người làm chứng là ông Vũ Hồng M, ông Đỗ Thành Th, ông Đoàn Trung T, bà Phạm Thị Nh trình bày:* cụ Gi và cụ C có hai người con, bà Đoàn Thị Ng là con đẻ, còn ông Đoàn Văn H là con riêng của cụ C. Cụ Gi chết lâu rồi nên các ông bà không nhớ năm mất, còn cụ C chết năm 1996. Cụ Gi có 05 gian nhà ngói hướng Tây hai buồng hai đầu, đất rộng giáp nhà bà V dọc xuống hết công, giáp bờ ao nhà ông H hiện nay, có vườn và có 02 ao. Đây là đất do tổ tiên cụ Gi để lại, diện tích rất rộng nhưng cụ thể bao nhiêu m<sup>2</sup>, kích thước các chiều cạnh cụ thể các ông bà không nắm được. Vị trí đất hiện nay vẫn còn nguyên vẹn, chỉ có một mặt giáp đường do Nhà nước mở đường trực nên có lấy vào một phần đất các cụ để lại, xung quanh đã được ông H bồi lập kín, lấp cả vườn, cả ao. Khi cụ Gi chết, cụ C và ông H đứng ra làm ma, cụ C chết thì hai anh em ông H và bà Ng cùng lo liệu ma chay và xây mộ. Khi cụ C còn sống mọi công việc lo ma chay, giỗ chạp, xây mồ mả, quy tập mồ mả cho cụ Gi do ông H, cụ C đứng ra lo liệu nhưng do lúc đó cụ C tuổi đã cao nên ông H là chính. Ông H cũng có trách nhiệm trong việc quy tập mồ mả cho các cụ, khi cụ C chết thì ông H và bà Ng cùng đứng ra lo liệu. Đất tổ tiên cụ Gi để lại trước đây không được bằng phẳng như bây giờ, ông H cũng đã tôn tạo mới được như ngày nay.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 02/2021/DS-ST ngày 26/4/2021 của Tòa án nhân dân huyện Y, tỉnh Ninh Bình đã quyết định:

Căn cứ vào khoản 5 Điều 26, khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 227, Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 609, Điều 611, Điều 612, Điều

623, Điều 649, Điều 650, Điều 651, Điều 654, Điều 658, Điều 660, Điều 688; Điều 357 Bộ luật Dân sự; Điều 36 Pháp lệnh thừa kế năm 1990; Nghị quyết số 02/HĐTP ngày 19/10/1990 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao; Điều 15 Luật Hôn nhân và gia đình năm 1959; Điều 5, Điều 100, điểm a khoản 1 Điều 106 Luật Đất đai; điểm đ khoản 1 Điều 12, điểm a khoản 7 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Đoàn Thị Ng về việc chia thừa kế di sản của cụ Đoàn Văn Gi và cụ Phạm Thị C đối với thửa đất số 11, tờ bản đồ số 20 thôn L, xã H, huyện Y.

- Thanh toán công sức duy trì, tôn tạo, trông coi bảo quản di sản, chi phí cho việc mai táng, nộp thuế đối với Nhà nước cho ông Đoàn Văn H, bà Đinh Thị V là 97,4m<sup>2</sup> đất và số tiền 9.840.000 đồng = 605.928.000 đồng.

- Di sản thừa kế của cụ Đoàn Văn Gi và Phạm Thị C còn lại để chia thừa kế theo pháp luật là quyền sử dụng 198m<sup>2</sup> đất ở có giá trị 1.211.760.000 đồng, được chia như sau:

Chia cho bà Đoàn Thị Ng được quyền sử dụng diện tích đất 99m<sup>2</sup> có vị trí, kích thước: phía Nam giáp đường dài 16,4m, phía Bắc giáp đất ông Đoàn Văn H được chia dài 16,63m, phía Đông giáp đường dài 6m, phía Tây giáp đất ông Đoàn Văn H dài 6m. Bà Đoàn Thị Ng được sở hữu các công trình xây dựng, cây trồng trên đất được chia bao gồm: 01 nhà cấp 4, mái Broximang; 01 móng đá, 02 tấn vôi củ, 01 cây na, 01 cây nhãn.

Chia cho ông Đoàn Văn H quyền sử dụng diện tích đất 99m<sup>2</sup>. Tổng diện tích đất thừa kế ông Đoàn Văn H được chia và diện tích đất ông Đoàn Văn H và bà Đinh Thị V được hưởng từ việc thực hiện nghĩa vụ tài sản và các khoản chi phí liên quan đến thừa kế là 196,4m<sup>2</sup> đất có vị trí, kích thước như sau: phía Nam giáp đất chia cho bà Đoàn Thị Ng dài 16,63m, phía Bắc giáp đường dài 13,28m, phía Đông giáp đường dài 13,98m, phía Tây giáp đất ông Đoàn Văn H dài 11,67m.

(Có sơ đồ phân chia di sản thừa kế kèm theo)

2. Về thanh toán giá trị các tài sản trên đất:

Ghi nhận sự tự nguyện của bà Đoàn Thị Ng thanh toán cho anh Đoàn Quang Th toàn bộ giá trị 01 nhà cấp 4 trị giá 29.230.995 đồng, mái Broximang trị giá 1.035.860 đồng, 01 móng đá trị giá 24.598.443 đồng, 2 tấn vôi củ trị giá 2.520.000 đồng; tổng số tiền là 57.385.000 đồng.

Bà Đoàn Thị Ng phải thanh toán cho ông Đoàn Văn H, bà Đinh Thị V giá trị 01 cây na trị giá 360.000 đồng, 01 cây nhãn trị giá 420.000 đồng, tổng số tiền phải thanh toán là 780.000 đồng.

3. Buộc ông Đoàn Văn H, bà Đinh Thị V phải tháo dỡ, di dời 01 tường bao sát móng đá trả lại mặt bằng cho bà Đoàn Thị Ng sử dụng.

Ngoài ra, bản án còn tuyên án phí, quyền kháng cáo cho các bên đương sự, quyền, nghĩa vụ thi hành án.

Ngày 11/5/2021 bị đơn là ông Đoàn Văn H có đơn kháng cáo bản án dân sự sơ thẩm với nội dung: bác đơn khởi kiện của bà Đoàn Thị Ng. Trường hợp không bác đơn thì đề nghị Tòa án sửa bản án sơ thẩm theo hướng chia di sản thừa kế bằng

giá trị tương ứng với diện tích đất bà Ng được hưởng theo kết quả định giá tài sản tại cấp sơ thẩm.

*Tại phiên tòa phúc thẩm:*

- Bà Ng vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện.
- Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bà Ng không đồng ý yêu cầu kháng cáo của ông H, đề nghị Tòa án giữ nguyên bản án sơ thẩm.
- Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của ông H trình bày: ông H vẫn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo. Việc xác định di sản của cụ Gi cụ C để lại 320m<sup>2</sup> như bản án sơ thẩm đã quyết định là không đúng. Trường hợp không bác đơn khởi kiện của bà Ng thì đề nghị Hội đồng xét xử sửa bản án sơ thẩm, chia cho bà Ng được hưởng di sản bằng giá trị tương đương phần di sản mà Ng được hưởng theo kết quả định giá tại Tòa án cấp sơ thẩm.
- Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bà V nhất trí yêu cầu kháng cáo của ông H.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Ninh Bình phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án dân sự ở giai đoạn phúc thẩm và đề nghị Hội đồng xét xử: áp dụng khoản 1 Điều 308, khoản 1 Điều 148 Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội, đề nghị Hội đồng xét xử: không chấp nhận kháng cáo của ông H, giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số 02/2021/DS-ST ngày 26/4/2021 của Tòa án nhân dân huyện Yên Mô, tỉnh Ninh Bình. Về án phí dân sự phúc thẩm: miễn án phí dân sự phúc thẩm cho ông H.

## **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

[1] Về tố tụng.

Đơn kháng cáo của ông Đoàn Văn H được làm trong thời hạn pháp luật quy định và đúng hình thức, nội dung theo quy định tại Điều 272, Điều 273, Điều 276 của Bộ luật Tố tụng dân sự nên được chấp nhận xem xét theo thủ tục phúc thẩm.

Tại phiên tòa phúc thẩm, ông H, bà V, anh Th, ông H, người đại diện hợp pháp của Ủy ban nhân dân huyện Y, người đại diện hợp pháp của Ủy ban nhân dân xã H đều vắng mặt nhưng có Đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Do đó, Hội đồng xét xử phúc thẩm xét xử vụ án theo quy định tại Điều 296 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

*Về quan hệ tranh chấp:* nguyên đơn khởi kiện yêu cầu chia di sản thừa kế của cụ Gi và cụ C là: quyền sử dụng đối với diện tích 295,4m<sup>2</sup> đất ở tại thửa đất số 11, tờ bản đồ số 20 tại thôn L, xã H, huyện Y, tỉnh Ninh Bình và số tiền được đền bù do thu hồi đất là 9.840.000 đồng. Tòa án cấp sơ thẩm xác định quan hệ pháp luật tranh chấp là “tranh chấp về thừa kế tài sản” theo quy định tại khoản 5 Điều 26 của Bộ luật Tố tụng dân sự là đúng pháp luật.

*Về thời hiệu khởi kiện:*

Tại Đơn xin xác nhận của bà Đoàn Thị Ng đề ngày 01/7/2019 (có xác nhận của Ủy ban nhân dân xã H, huyện Y, tỉnh Ninh Bình) thể hiện: cụ Đoàn Văn Gi chết năm 1967, cụ Phạm Thị C chết năm 1996. Theo quy định tại khoản 1 Điều 623 Bộ

luật Dân sự năm 2015, thời hiệu để người thừa kế yêu cầu chia di sản là 30 năm đối với bất động sản, kể từ thời điểm mở thừa kế. Ngày 03/01/2020 bà Ng có nộp đơn khởi kiện tại Tòa án nhân dân huyện Yên Mô, yêu cầu chia di sản thừa kế của cụ Gi, cụ C để lại. Như vậy, thời hiệu khởi kiện chia di sản thừa kế của cụ Gi, cụ C vẫn còn theo quy định của pháp luật.

[2] Về nội dung.

[2.1] Về mối quan hệ gia đình.

Cụ Gi và cụ C có bà Ng là con chung, ông H là con riêng của cụ C. Cụ Gi, cụ C không còn con đẻ, con nuôi, con riêng nào khác. Sau khi cụ C lấy cụ Gi, ông H về ở chung với cụ Gi, được cụ Gi cho đổi họ Đoàn theo họ của cụ Gi. Cụ Gi và ông H có quan hệ chăm sóc nhau như cha con. Các đương sự đều thừa nhận: cụ Gi và cụ C không có bố mẹ nuôi; bố mẹ đẻ của cụ Gi, cụ C đều chết trước cụ Gi, cụ C.

[2.2] Về xác định những người thừa kế.

Cụ Đoàn Văn Gi chết năm 1967, cụ Phạm Thị C chết năm 1996, những người thuộc hàng thừa kế thứ nhất của cụ Gi, cụ C là ông H, bà Ng.

[2.3] Đối với yêu cầu kháng cáo của ông Đoàn Văn H.

[2.3.1] Đối với yêu cầu kháng cáo của ông Đoàn Văn H về việc đề nghị Tòa án bác đơn khởi kiện của bà Đoàn Thị Ng với lý do: thửa đất số 11 là tài sản của vợ chồng ông, năm 1967 ông được cụ Gi giao lại phần đất hương hỏa, đồng thời cụ C tặng cho khi còn sống.

Hội đồng xét xử phúc thẩm xét thấy:

Theo bản đồ địa chính năm 1986, vị trí thửa số 129, tờ bản đồ số 2A, diện tích 960m<sup>2</sup> mang tên H.

Theo bản đồ địa chính năm 1995, vị trí thửa 129 tờ bản đồ số 20 được tách làm 2 thửa, cụ thể: thửa số 11 diện tích 320m<sup>2</sup> mang tên H và một phần thửa số 9 diện tích 1.297m<sup>2</sup> đất mang tên H (đất thổ 360m<sup>2</sup>, đất thổ canh 629m<sup>2</sup>), tên Th diện tích 308m<sup>2</sup> đất. Tại Sổ mục kê, thửa số 11 ghi chủ sử dụng đất là Đoàn Thị H, diện tích 320m<sup>2</sup>; thửa số 9 ghi chủ sử dụng đất là Đoàn Văn H, diện tích 989m<sup>2</sup>, Đoàn Văn Th diện tích 308m<sup>2</sup> đất.

Ủy ban nhân dân xã H đã xác nhận: thửa đất này có nguồn gốc của cụ Đoàn Văn Gi do tổ tiên của cụ Gi để lại; xã H làm điếm cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho tỉnh Ninh Bình, thường những cụ già không biết tên chính của các cụ nên cán bộ địa chính kê khai tên con đứng tên Đoàn Thị H. Không có đơn đề nghị, kê khai của người được cấp hay đo đạc riêng hình thể thửa đất.

Trong đơn kháng cáo, ông H cho rằng Nhà nước cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mang tên bà Đoàn Thị H chính là cấp cho ông Đoàn Văn H và Đinh Thị V; sau đó ông H lại cho rằng Đoàn Thị H chính là Đinh Thị V. Tuy nhiên, bà V lại thừa nhận: thửa đất của cụ Gi, cụ C đã được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mang tên Đoàn Thị H, lúc đó cụ C còn sống và đưa giấy chứng nhận cho bà nên là của bà, bà không đứng ra kê khai để được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. (bút lục số 106).

Trong quá trình giải quyết vụ án tại cấp sơ thẩm, ông Đoàn Văn H thừa nhận: đất của cụ Gi và cụ C để lại có từ đời ông cụ Từ T, đến cụ C và đến cụ Gi (các bút lục số 49, 50, 87). Tại Biên bản lấy lời khai của đương sự ngày 06/7/2020, ông H thừa nhận: “tôi xác định đất cụ Gi để lại 210m<sup>2</sup>, vị trí từ cây nhãn ở móng đá nhà anh Th hất ra phía Đông.

Trong quá trình giải quyết vụ án tại cấp sơ thẩm bà V thừa nhận: hiện nay trên phần đất của hai cụ để lại có nhà cấp 4, móng đá của anh Th xây dựng và một phần nhà mái bằng mà gia đình bà đang ở. Bà và ông H đang quản lý cả khuôn viên gồm phần đất của cụ Gi để lại và phần đất của gia đình bà được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mang tên ông Đoàn Văn H.

Tại Bản tự khai ngày 06/3/2020 anh Th thừa nhận: trên sơ đồ đất của bà Đoàn Thị Ng kiện chính đất của bà Phạm Thị C. Bà Đoàn Thị H trên Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất chính là Phạm Thị C là bà đẻ ra bố anh.

Căn cứ khoản 2 Điều 92 của Bộ luật Tố tụng dân sự quy định: một bên đương sự thừa nhận mà bên đương sự kia đưa ra thì bên đương sự đó không phải chứng minh. Như vậy, quyền sử dụng 320m<sup>2</sup> đất của cụ Gi, cụ C là có thật.

Hơn nữa, tại thời điểm kê khai và cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mang tên bà Đoàn Thị H, khi đó cụ C còn sống, đang ở và sử dụng đất; không có tài liệu, chứng cứ nào khẳng định cụ Gi, cụ C chuyển quyền sử dụng đất từ cụ Gi, cụ C sang cho ông H, bà V.

Các đương sự thừa nhận: cụ C lấy cụ Gi khoảng năm 1945. Căn cứ Điều 15 Luật Hôn nhân và gia đình năm 1959 quy định: “Vợ và chồng đều có quyền sở hữu, hưởng thụ và sử dụng ngang nhau đối với tài sản có trước và sau khi cưới”. Do đó, quyền sử dụng 320m<sup>2</sup> đất ở tại Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mang tên bà Đoàn Thị H là tài sản chung của vợ chồng cụ Gi cụ C và là di sản của cụ Gi, cụ C để lại. Tòa án cấp sơ thẩm đã xác định quá trình sử dụng đất, sau khi trừ đi diện tích đất bị thu hồi là 24,6m<sup>2</sup>, di sản của cụ Gi, cụ C để lại 295,4m<sup>2</sup> đất và số tiền đền bù do thu hồi đất 9.840.000 đồng là có căn cứ, đúng pháp luật.

Tòa án cấp sơ thẩm đã xác định di sản thừa kế, hàng thừa kế, phân chia di sản có tính đến chi phí thực hiện các nghĩa vụ tài sản và các khoản chi phí liên quan đến thừa kế để cho ông H, bà V tương đương với một kỹ phần thừa kế và chia di sản cho ông H, bà Ng, mỗi người được hưởng kỹ phần là 99m<sup>2</sup> đất là đúng pháp luật. Do đó, ông H kháng cáo đề nghị Tòa án bác đơn khởi kiện của bà Ng là không có căn cứ.

[2.3.2] Đối với yêu cầu kháng cáo của ông Đoàn Văn H về việc trường hợp không bác đơn thì đề nghị Tòa án sửa bản án sơ thẩm theo hướng chia di sản thừa kế bằng giá trị tương ứng với diện tích đất bà Ng được hưởng theo kết quả định giá tài sản tại cấp sơ thẩm. Hội đồng xét xử phúc thẩm xét thấy:

Trong suốt quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa phúc thẩm, bà Ng luôn có nguyện vọng được nhận di sản bằng hiện vật để xây nhà thờ thờ cúng bố mẹ, tổ tiên, có chỗ đi về quê hương. Hơn nữa ông H là con riêng của cụ C, bà Ng là con đẻ duy nhất của cụ Gi và cụ C. Tòa án cấp sơ thẩm đã xem xét các yêu cầu của đương sự, mục đích, hiện trạng sử dụng đất, thừa đất có thể chia bằng hiện vật cũng như điều kiện hoàn cảnh của các bên để phân chia là hợp tình, hợp lý, đảm bảo công bằng

về quyền lợi giữa các bên đương sự. Do đó, yêu cầu kháng cáo nêu trên của ông H là không có căn cứ.

[3] Từ những nhận định trên, Hội đồng xét xử không chấp nhận toàn bộ kháng cáo của ông H; giữ nguyên bản án sơ thẩm.

[4] Những phần khác của bản án sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết hạn kháng cáo, kháng nghị.

[5] Do yêu cầu kháng cáo của ông H không được chấp nhận nên ông H phải chịu án phí dân sự phúc thẩm. Tuy nhiên, ông H thuộc trường hợp người cao tuổi, đã có đơn xin miễn nộp tiền tạm ứng án phí, án phí thuộc trường hợp được miễn nộp án phí dân sự phúc thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào:

Khoản 1 Điều 308, khoản 1 Điều 148 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Điểm đ khoản 1 Điều 12, khoản 6 Điều 15, khoản 1 Điều 29 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

**Xử:**

1. Không chấp nhận toàn bộ yêu cầu kháng cáo của ông Đoàn Văn H.
2. Giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số 02/2021/DS-ST ngày 26/4/2021 của Tòa án nhân dân huyện Yên Mô, tỉnh Ninh Bình.
3. Về án phí dân sự phúc thẩm: miễn án phí dân sự phúc thẩm cho ông Đoàn Văn H.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

**Nơi nhận:**

- TAND cấp cao tại Hà Nội;
- VKSND tỉnh Ninh Bình;
- Phòng KTNV-THA;
- TAND huyện Yên Mô;
- Chi cục THADS huyện Yên Mô;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án. VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**(Đã ký)**

**Nguyễn Thị Phụng**